




Kế toán ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá

GV: Nguyễn Kim Nhật

1

Nội dung



- ❖ Một số khái niệm cơ bản
- ❖ Nguyên tắc
- ❖ Tài khoản sử dụng
- ❖ Phương pháp hạch toán

2


Một số khái niệm cơ bản



- ❖ **Đơn vị tiền tệ kế toán:** Là đơn vị tiền tệ được sử dụng chính thức trong việc ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính.
- ❖ **Ngoại tệ:** Là đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của một doanh nghiệp.
- ❖ **Tỷ giá hối đoái:** Là tỷ giá trao đổi giữa hai đơn vị tiền tệ.
- ❖ **Chênh lệch tỷ giá hối đoái:** Là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi của cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo các tỷ giá hối đoái khác nhau.

3


Một số khái niệm cơ bản



- ❖ **Tỷ giá hối đoái cuối kỳ:** Là tỷ giá hối đoái sử dụng tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán.
- ❖ **Các khoản mục tiền tệ:** Là tiền và các khoản tương đương tiền hiện có, các khoản phải thu, hoặc nợ phải trả bằng một lượng tiền cố định hoặc có thể xác định được.
- ❖ **Các khoản mục phi tiền tệ:** Là các khoản mục không phải là các khoản mục tiền tệ.

4


Một giao dịch bằng ngoại tệ



- ❖ Là giao dịch được xác định bằng ngoại tệ hoặc yêu cầu thanh toán bằng ngoại tệ, bao gồm các giao dịch phát sinh khi một doanh nghiệp:
 - Mua hoặc bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mà giá cả được xác định bằng ngoại tệ;
 - Vay hoặc cho vay các khoản tiền mà số phải trả hoặc phải thu được xác định bằng ngoại tệ;
 - Trở thành một đối tác (một bên) của một hợp đồng ngoại hối chưa được thực hiện;
 - Mua hoặc thanh lý các tài sản; phát sinh hoặc thanh toán các khoản nợ xác định bằng ngoại tệ;
 - Dùng một loại tiền tệ này để mua, bán hoặc đổi lấy một loại tiền tệ khác.

5


Nguyên tắc 1



- ❖ **Tiền Việt Nam:** Việt ghi số kế toán và lập báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là **đồng Việt Nam** hoặc **đơn vị tiền tệ thống nhất chính thức** sử dụng trong kế toán (nếu nước chấp thuận) vì vậy phải qui đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ thống nhất sử dụng trong kế toán

6

Nguyên tắc 2




❖ Các khoản mục tiền tệ (hồ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền ngân chuyên, các khoản phải thu, các khoản phải trả nợ vay có gốc ngoài te) khi nhập (ghi tăng tài khoản tổng ứng) thì ghi theo tỷ giá giao dịch thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Khi xuất ra (ghi giảm tài sản tổng ứng) áp dụng một trong các phương pháp xuất nhỏ sau:

- Tỷ giá nhập trước xuất trước
- Tỷ giá nhập sau xuất trước
- Tỷ giá bình quân
- Tỷ giá thời điểm trích danh

7

Ví dụ




❖ Nếu vì tồn tiền gửi ngân hàng là 1.000 USD, tỷ giá giao dịch (TGGD) 15.000đ/USD, tỷ giá xuất ngoài te theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- **Ngày 1:** Mua 1.000 USD chuyển khoản, TGGD là 15.550đ/USD thì kế toán chuyển sang tiền nông Việt Nam là $1.000\text{USD} \times 15.550\text{đ/USD} = 15.550.000\text{đ}$
- **Ngày 3:** Bán 1.500 USD chuyển khoản, TGGD là 15.400đ/USD, thì kế toán hạch toán tiền nông là $1.000\text{USD} \times 15.000\text{đ/USD} + 500\text{USD} \times 15.550\text{đ/USD} = 22.775.000\text{đ}$.

8


Nguyên tắc 3



❖ Các khoản mục phi tiền tệ (hàng tồn kho, tài sản cố định, doanh thu, chi phí có gốc ngoài te) phải qui đổi sang nông Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thời điểm tại ngày giao dịch


9

Ví dụ 2



❖ Doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa có giá nhập khẩu là 1.000 USD, TGGD là 15.550đ/USD thì kế toán chuyển sang đồng Việt Nam nên ghi nhận giá trị của hàng hóa là $1.000\text{USD} \times 15.550\text{đ/USD} = 15.550.000\text{đ}$


10



❖ Cuối năm tài chính kế toán phải thực hiện hình giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ như tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, phải thu, phải trả theo tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày lập báo cáo tài chính.

11

Ví dụ




❖ Ngày 31/12, số dư tài khoản 112-TGNH ngoại tệ của doanh nghiệp là 15.500.000đ, chỉ tiết 1.000USD, số dư tài khoản 331-PTNB là 15.400.000, chỉ tiết 1.000USD, giá số tỷ giá bình quân liên ngân hàng do ngân hàng công bố ngày 31/12 là 15.600đ/USD.

- Kế toán hình giá lại TK 112 tăng lên: $1.000\text{USD} \times (15.600 - 15.500) = 100.000$
- Kế toán hình giá lại TK 331 tăng lên: $1.000\text{USD} \times (15.600 - 15.400) = 200.000$

12


Xử lý chênh lệch tỷ giá



❖ DN trong giai đoạn nào đó xây dựng nên hình ảnh TSCN của doanh nghiệp mới thành lập, chênh lệch tỷ giá hối đoái **phát sinh** khi thanh toán các khoản mục có gốc ngoài và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi **nhận giải lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoài tại cuối năm** tại chính nước phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (**Sử dụng TK 413 theo dõi chênh lệch tỷ giá**). Khi TSCN hình thành sau quá trình nào đó và ảnh hưởng vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá trong quá trình nào đó sẽ nước phản ánh vào chi phí tài chính hay doanh thu hoạt động tài chính trong thời gian tối đa là 5 năm.

13


Nguyên tắc 4



❖ Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục có gốc ngoài và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi **nhận giải lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoài tại cuối năm** tại chính nước phản ánh ngay **Chi phí tài chính** (chênh lệch giảm), **Doanh thu hoạt động tài chính** (chênh lệch tăng) trong tổng kỳ kinh doanh tổng cộng.

14

Tài khoản sử dụng



❖ Tài khoản 413 – Chênh lệch tỷ giá


- TK 4131 – Chênh lệch TGHĐ đánh giá lại cuối năm tài chính
- TK 4132 – Chênh lệch TGHĐ trong giai đoạn đầu tư XD CB

❖ TK 635 – Chi phí tài chính

❖ TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

15

Tài khoản 413 – Chênh lệch tỷ giá




TK 413

- Chênh lệch danh giá lại tài sản nước ngoài: xói vào tài khoản doanh thu tài chính hoặc chi phí hoạt động tài chính.	- Chênh lệch tỷ giá phát sinh do danh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính cho những doanh nghiệp hạch toán xuất nhập khẩu. - Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do danh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động mua to XDCB, giải ngân trước hoạt động, chờ hoàn thành hoạt động mua to
SD: Chênh lệch tỷ giá khi doanh nghiệp mua ngoại tệ để giải ngân trước hoạt động	SD: Chênh lệch tỷ giá khi doanh nghiệp mua ngoại tệ để giải ngân trước hoạt động

16

Tài khoản 007 – Ngoại tệ các loại




TK 007

SD: Số lượng ngoại tệ hiện tồn đầu kỳ	Số lượng ngoại tệ phát sinh giảm trong kỳ
Số lượng ngoại tệ phát sinh tăng trong kỳ (Tiền mặt ngoại tệ tiền gửi ngân hàng ngoại tệ)	(Tiền mặt ngoại tệ tiền gửi ngân hàng ngoại tệ)
SD: Số lượng ngoại tệ hiện tồn cuối kỳ	

17

Mua ngoại tệ



TK 1111,1121	→ TGGD →	TK 1112,1122
--------------	----------	--------------

Ghi Nối TK 007: SL Nợ tăng lên

Doanh nghiệp rút TGNH 15.660.000đ mua 1.000USD nhập quỹ

18

Bán ngoại tệ

Ghi Nợ TK 007: SL Nợ giảm lãi

Doanh nghiệp toàn quyền mua 2.000USD, tỷ giá sử dụng ghi sổ kế toán là 15.500đ/USD. Vài ngày sau doanh nghiệp bán 1.000USD nhận tiền mặt gửi ngân hàng. TGGD là 5.550đ/USD.

19

Bán hàng thu ngoại tệ

Ghi Nợ TK 007: SL Nợ tăng lãi

❖ Bán 2 máy vi tính thu bằng tiền mặt ngoại tệ giá vốn 13.500.000đ, giá bán chưa thuế là 1.000USD, thuế suất thuế GTGT là 5%, TGGD là 19.800đ/USD.


20

Bán hàng chưa thu, thu nợ bằng ngoại tệ

Ghi Nợ TK 007: SL Nợ tăng lãi

21


Ví dụ



- ❖ Lòahàng xuất khẩu ñaølàm thuituc xong, giáivoin hàng hoin 300.000.000ñ, giáibán theo hóp ñoàng ngoàithông làø 30.000USD, thuếasuaá thuếxuat khẩu 5%, thuếGTGT 0%. TGGD làø19.600ñ/USD, tiếm hàng chóa thu. Mộttuần sau, nhậnnóóc giáy bảocứuñ ñành hàng, ngòoì nhậpkhẩu ñiá thanh toán tiếm toán bảolòahàng trẽn. Tyigiáithócc teálu: nhậ tiếm làø19.580ñ/USD.
- ❖ Soá ñò ñành tháng 1 chỉ tiếm TK 131A làø 2.000USD x 19.800ñ/USD. Trong tháng Cty A thanh toán toán bảonóì ñành tháng cho ñoành nghiệp bảng chuyếm khoả. TGGD làø 19.900ñ/USD.

22

Mua hàng thanh toán bằng ngoại tệ



TK 1112, 1122 TK 15*, 211...

TXNT TGGD

TK 515 TK 635


CL làø CL làø

Ghi CòitK 007: SL Ntegiám ñi

- ❖ Ñành tháng soá ñò ngoàì teátoán quyốilàø30.000USD, tyigiáivi ghi sốlàø19.950 ñ/USD. Trong tháng ñoành nghiệp mua mộtsocóàng cũidùng cũinhap kho thanh toán bảng tiếm mã ngoàì teá500USD. Tyigiáigiáio ñoch làø19.920ñ/USD

23

Mua hàng chưa thanh toán, trả nợ



TK 1112, 1122 TK 331 TK 15*, 211...

TXNT TGGS TGGD TGGD

TK 515 TK 635 TK 133

CL làø CL làø (Nhu cò)

Ghi CòitK 007: SL Ntegiám ñi

24

Đánh giá các KM tiền tệ cuối kỳ

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ theo giá do NHNN VN
Công bố vào cuối niên độ kế toán

TK 1112,1122, TK 413 TK 1112,1122,

TK 311,331... TK 311,331...

TK 515 TK 635

TGCK < TGGS TGCK > TGGS TGCK > TGGS

TGCK > TGGS TGCK < TGGS

Chênh lệch lãi Chênh lệch lãi

TKGCK: tỷ giá cuối kỳ là tỷ giá giao dịch liên ngân hàng tại thời điểm cuối năm TC
TGGS: tỷ giá ghi sổ của doanh nghiệp

25

Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu (chờ hoạt động)

❖ Một DN đang trong giai đoạn đầu tư, chờ đi vào hoạt động SXKD. Có các giao dịch bằng ngoại tệ

- Nhập thiết bị chờ thanh toán, nửa tháng vào công trình: 200.000USD, tỷ giá 19.000đ/USD.
- Vay dài hạn NH 400.000USD, nhập vào TK TGNH. Tỷ giá 19.100đ/USD.
- Rút TGNH trả CP tờ mệnh giá 22.000USD, tỷ giá ghi sổ khoản nợ này là 19.000đ/USD (trong nợ VAT là 2.000USD) tỷ giá giao dịch: 19.200đ/USD; Tỷ giá xuất ngoại tệ của doanh nghiệp 19.000đ/USD
- Thanh toán cho người bán ô tô NV1 150.000USD bằng TGNH, tỷ giá giao dịch 19.150đ/USD; Tỷ giá xuất ngoại tệ của doanh nghiệp 19.000đ/USD


26

Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu (chờ hoạt động)

- Thuê nhà thầu nước ngoài tư vấn giám sát: 1.500USD (bao gồm VAT 5%) Tỷ giá giao dịch: 19.280đ/USD, chưa thanh toán.
- Vay dài hạn 200.000USD, tỷ giá 19.300đ/USD, nhập vào TGNH.
- Rút TGNH thanh toán cho nhà thầu nước ngoài: 1.500 USD, tỷ giá giao dịch 19.350đ/USD; Tỷ giá xuất ngoại tệ của doanh nghiệp 19.100đ/USD
- Lãi tiền gửi NH nhận bằng TGNH bằng ngoại tệ 240USD, tỷ giá giao dịch 19.250đ/USD;
- Cuối kỳ phân giải lại số dư các khoản mục ngoại tệ theo tỷ giá cuối kỳ: 19.300đ/USD. Biết số dư TK 331 đầu kỳ 22.000 USD; và TK 111,112 về ngoại tệ không có số dư.

27


Cheñh leñh tyùgiai trong SXKD



- ❖ SD ñau kyù 1112: 170.000.000 (10.000USD)
1122: 510.000.000 (30.000USD).
- ❖ Cai: NVKT phát sinh trong kyù
- 1. Nhập khẩu VL chóa thanh toán, giá nhập khẩu: 50.000USD, thuế nhập khẩu phải nộp: 1%, VAT hàng nhập khẩu: 10%. Tyùgiai 17.100ñ/USD.
- 2. Xuất khẩu TP, giá XK: 40.000USD, chóa thu tiền. Thuế XK phải nộp: 1%. Tyùgiai 17.200ñ/USD.

28

Cheñh leñh tyùgiai trong SXKD



- 3. Chi 2.200USD tiền mặt trả phí kiểm toán (bao gồm VAT 10%), tyùgiai 17.300ñ/USD.
- 4. Khách hàng thanh toán tiền mua hàng ôi NV2 bằng TGNH, tyùgiai 17.300.
- 5. Trả cho NB ½ tiền mua VL ôi NV1 bằng chuyển khoản, tyùgiai 17.400ñ/USD
- 6. Bán 30.000USD TGNH vật tư bằng tiền VN gói ngân hàng, tyùgiai 17.500ñ/USD
- 7. Cuối kyù ñieu chỉnh số dỏ cai: TK vốn bằng tiền và công nợ ngoài tế theo tyùgiai cuối kyù 17.500ñ/USD.

29
